※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

[양식 제34호]
[Mẫu số 34]

성.본 변경신고서
Đơn khai báo đổi họ, nguyên quán

(년 월 일)
(Năm tháng ngày)

※ 신고서 작성 시 아래의 작성 방법을 참고하고, 선택 항목에는 '영표(○)'로 표시하기 바랍니다.
※ Khi điền đơn, vui lòng tham khảo hướng dẫn điền ở bên dưới và khoanh tròn '(○)' vào các mục lựa chọn.

<table>
<tr><td rowspan="3">① 사건본인
① Đương sự</td><td>성명
Họ tên</td><td>한글
Chữ Hàn</td><td colspan="2">(성) / (명)
(Họ) / (Tên)</td><td>주민등록번호
Số chứng minh thư Hàn</td><td colspan="4">-</td></tr>
<tr><td></td><td>한자
Chữ Hán</td><td colspan="2">(성) / (명)
(Họ) / (Tên)</td><td colspan="5"></td></tr>
<tr><td>등록기준지
Nguyên quán</td><td colspan="8"></td></tr>
<tr><td></td><td>주소
Địa chỉ</td><td colspan="8"></td></tr>
<tr><td rowspan="2">② 성.본
② Họ, nguyên quán</td><td>변경전 성(姓)
Họ trước khi đổi</td><td>한글
Chữ Hàn</td><td></td><td>한자
Chữ Hán</td><td></td><td>변경전 본(本)
Trước khi đổi nguyên quán</td><td>한글
Chữ Hàn</td><td></td><td>한자
Chữ Hán</td></tr>
<tr><td>변경한 성(姓)
Họ mới</td><td>한글
Chữ Hàn</td><td></td><td>한자
Chữ Hán</td><td></td><td>변경한 본(本)
mới nguyên quán</td><td>한글
Chữ Hàn</td><td></td><td>한자
Chữ Hán</td></tr>
<tr><td colspan="2">③허가일자
③Ngày cấp phép</td><td colspan="4">년 월 일
Năm tháng ngày</td><td>법원명
Tên toà án</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td colspan="2">④기타 사항
④Nội dung khác</td><td colspan="8"></td></tr>
</table>

<table>
<tr><td rowspan="3">⑤
신고인
⑤
Người khai báo</td><td>성명
Họ tên</td><td colspan="2">(서명 또는 날인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)</td><td>주민등록번호
Số chứng minh thư Hàn</td><td colspan="3">-</td></tr>
<tr><td>자격
Tư cách</td><td colspan="5">(1)본인 (2)법정대리인
(3)기타(자격:)
(1)Bản thân (2)Người đại diện theo pháp luật
(3)Người khác (Tư cách:)</td></tr>
<tr><td>주소
Địa chỉ</td><td colspan="2"></td><td>전화
Điện thoại</td><td></td><td>이메일
Email</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">⑥제출인
⑥Người nộp</td><td>성 명
Họ tên</td><td></td><td colspan="2">주민등록번호
Số chứng minh thư Hàn</td><td colspan="2">-</td></tr>
</table>

작성방법
Cách điền đơn

※ 본 신고는 성.본변경허가심판서 등본을 받은 날로부터 1개월 이내에 신고하여야 합니다.

※ Khai báo này phải được khai báo trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhận được bản sao phán quyết cho phép đổi họ · nguyên quán.

②란: 사건본인의 성.본은 변경 전의 성.본과 변경한 성.본을 나누어 기재합니다.

Mục ②: Chia họ · nguyên quán của người xin đổi họ thành họ, nguyên quán trước khi đổi và họ, nguyên quán đổi mới rồi điền vào.

③란: 성.본 변경허가일자는 성.본변경허가심판서 등본에 기재된 연월일을 기재합니다.

Tại ③: Ngày cho phép đổi họ, nguyên quán viết ngày tháng năm được ghi trên bản sao phán quyết cho phép đổi họ · nguyên quán.

④란: 가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는 데에 특히 필요한 사항을 기재합니다.

Mục ④: Điền nội dung đặc biệt cần thiết để làm sáng tỏ ghi chép trong sổ đăng ký quan hệ gia đình.

⑤란: 본인이 신고하는 경우 성.본 변경 후의 성명으로 기재합니다. 신고인이 외국인인 경우에는 외국인등록번호(국내거소신고번호 또는 출생연월일)를 기재합니다.

Mục ⑤: Trường hợp bản thân tự khai báo thì hãy ghi bằng họ tên sau khi đổi họ nguyên quán. Nếu người đăng ký là người nước ngoài, điền số đăng ký người nước ngoài (số đăng ký nơi cư trú tại Hàn Quốc hoặc năm, tháng, ngày sinh).

⑥란: 제출인(신고인이 작성한 신고서를 신고인이 아닌 사람이 제출할 경우만 기재)의 성명 및 주민등록번호를 기재합니다[접수담당공무원은 신분증과 대조하여야 함].

Mục ⑥: Điền họ tên và số chứng minh thư Hàn của người nộp đơn (chỉ điền nếu người nộp đơn đăng ký không phải người đăng ký) [Cán bộ phụ trách tiếp nhận phải kiểm tra giấy tờ tuỳ thân].

첨부서류 **Hồ sơ đính kèm**	

1. 성.본변경허가심판서 등본 1부.
1. Bản sao phán quyết cho phép đổi họnguyên quán 1 bản.
2. 신분확인[가족관계등록예규 제600호에 의함]
2. Xác minh nhân thân [theo điểm 600 Quy định Đăng ký quan hệ gia đình]
 - 신고인이 출석한 경우: 신분증명서
 - Trường hợp người đăng ký có mặt: Giấy tờ tuỳ thân
 - 제출인이 출석한 경우: 제출인의 신분증명서
 - Trường hợp người nộp đơn có mặt: Giấy tờ tùy thân của người nộp đơn
 - 우편으로 제출할 경우: 신고인의 신분증명서 사본
 - Trường hợp nộp bằng đường bưu điện: Bản sao giấy tờ tuỳ thân của người đăng ký

※ 신고인이 성년후견인인 경우에는 2항의 서류 외에 성년후견인의 자격을 증명하는 서면도 함께 첨부해야 합니다.

※ Trường hợp người đăng ký là người giám hộ người trưởng thành, ngoài tài liệu ở khoản 2, phải đính kèm tài liệu chứng mình tư cách của người giám hộ người trưởng thành.

※ 타인의 서명 또는 인장을 도용하여 허위의 신고서를 제출하거나, 허위신고를 하여 가족관계등록부에 부실의 사실을 기록하게 하는 경우에는 형법에 의하여 5년 이하의 징역 또는 1천만 원 이하의 벌금에 처해집니다.

※ Trường hợp giả mạo chữ ký hoặc dùng trộm con dấu của người khác để nộp đơn đăng ký giả hoặc khai báo gian dối và ghi thông tin sai lệch vào sổ đăng ký quan hệ gia đình, sẽ bị phạt tù tối đa 5 năm hoặc phạt tiền tối đa 10 triệu won theo “Luật Hình sự”.